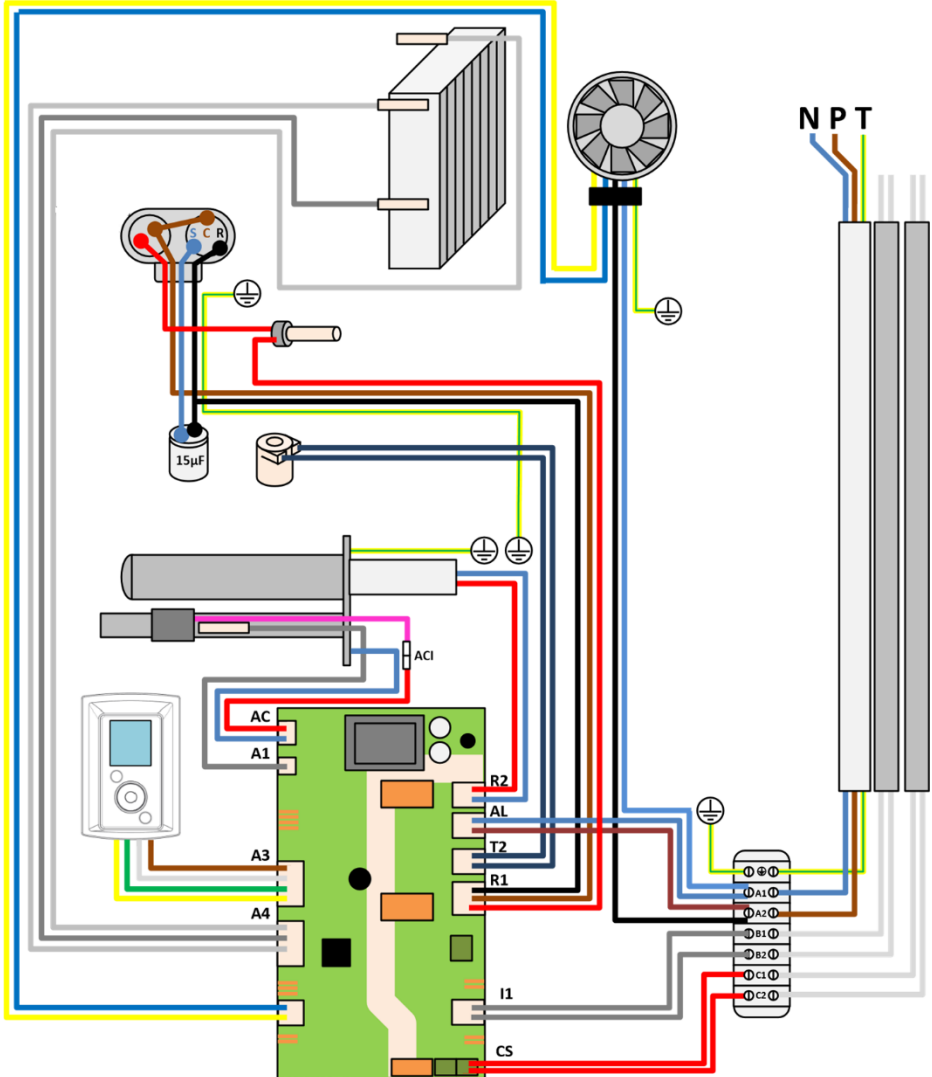




EXPLORER

VN - BƠM NHIỆT NƯỚC NÓNG





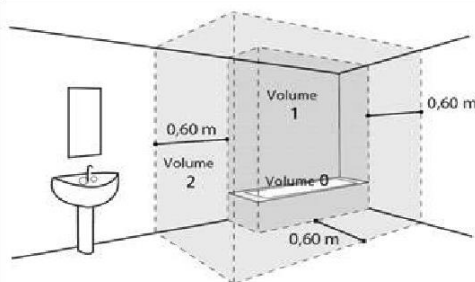
LƯU Ý

Thiết bị này không được thiết kế sử dụng cho người giảm khả năng thể chất/giác quan/tinh thần hoặc những người thiếu kinh nghiệm/kiến thức trừ khi họ nhận được sự hướng dẫn hoặc giám sát từ người chịu trách nhiệm về sự an toàn của họ, về việc sử dụng thiết bị. Luôn giữ trẻ em tránh xa thiết bị khi không có sự giám sát của người lớn. Thiết bị này có thể được sử dụng cho trẻ em từ 8 tuổi trở lên và hoặc những người thiếu kinh nghiệm hoặc kiến thức gì nếu được giám sát hoặc nếu họ được hướng dẫn sử dụng thiết bị an toàn, và nhận thức được các rủi ro liên quan. Các thao tác bảo trì và vệ sinh phải được thực hiện bởi nhân viên kỹ thuật có chuyên môn.

LẮP ĐẶT

CẢNH BÁO: Sản phẩm có trọng lượng lớn, thao tác cẩn thận:

1. Lắp đặt thiết bị trong phòng tránh bị đóng băng và được bảo vệ với môi trường bên ngoài. Nếu xảy ra việc hư hỏng đối với thiết bị mà nguyên nhân được xác định do không tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn khi lắp đặt, thiết bị sẽ không được bảo hành.
2. Phải đảm bảo vị trí lắp đặt có thể chịu được trọng lượng của thiết bị khi được lắp đặt hoàn chỉnh (đã được bơm đầy nước).
3. Nếu thiết bị được lắp đặt trong một căn phòng hay một địa điểm với nhiệt độ môi trường luôn ở trên 35°C , thì căn phòng phải được lắp đặt quạt thông gió.
4. Lắp đặt thiết bị ở nơi dễ tiếp cận, bảo dưỡng và sửa chữa.
5. Không lắp đặt thiết bị trong khu vực V0, V1, V2 của phòng tắm.
6. Sản phẩm được thiết kế để sử dụng cho khu vực có độ cao tối đa 2000m.



KẾT NỐI ĐƯỜNG NƯỚC

Vị trí lắp đặt thiết bị phải có khoảng hở xung quanh theo tiêu chuẩn lắp đặt. Phải vệ sinh sạch sẽ ống cấp nước và tất cả phụ kiện liên quan trước khi đấu nối.

Việc kết nối đường ống nước nóng phải sử dụng phụ kiện bằng đồng, gang, thép không gỉ hoặc một hỗn hợp điện môi để tránh bị hao mòn. Van an toàn phải được lắp đặt ở đầu nước lạnh máy nước nóng, với kích thước 3/4" và với áp suất 7bar – 0,7MPa (theo tiêu chuẩn EU: EN 1487). Khi thực hiện quá trình làm nóng nước, sẽ có nước chảy ra từ van an toàn. Không được chặn dòng chảy này, mà phải kết nối dòng chảy này vào hệ thống thoát nước.

Không được cấp nguồn nước có áp lực cao hơn 5bar (0,5MPa) vào thiết bị. Áp suất hoạt động của bộ trao đổi nhiệt không thể vượt quá 3Bar (0.3 Mpa), và nhiệt độ của nó không thể cao hơn 100°C.

DÂY ĐIỆN

Trước khi tháo nắp, luôn đảm bảo tắt nguồn điện, để tránh sự cố liên quan đến người và thiết bị.

Phải có thiết bị cắt điện cục bộ (thiết bị đóng ngắt hoặc cầu chì) được lắp ở trước thiết bị, tuân thủ các quy tắc đối hệ thống điện (thiết bị đóng ngắt 30mA).

Hệ thống phải được nối đất, được đánh dấu nối đất. 

Nghiêm cấm kết nối thiết bị bằng phích cắm.

BẢO DƯỠNG – SỬA CHỮA

Xả nước: Ngắt nguồn điện và nguồn nước lạnh, mở van nước nóng, xả van nước. Thường xuyên xả van an toàn tại đầu nước lạnh để loại bỏ các tạp chất cặn lặn, và kiểm tra chức năng van không bị chặn làm mất tác dụng van an toàn.

Nếu thiết bị có sự cố liên hệ nhà sản xuất, dịch vụ sau bán hàng, vì sự an toàn của khách hàng Sách Hướng dẫn này nên được lưu lại, hoặc liên hệ trực tiếp đến nhà sản xuất, hotline để tư vấn thêm.

Lưu ý: Khách hàng không được tự ý bảo dưỡng thiết bị, để tránh gây mọi sự cố thiệt hại về người và của.

NỘI DUNG

TỔNG QUAN VỀ SẢN PHẨM.....	7
1. Khuyến cáo.....	7
1.1. Tính an toàn.....	7
1.2. Vận chuyển và lưu trữ.....	7
2. Bên trong bao bì.....	7
3. Vận chuyển.....	8
4. Nguyên lý hoạt động.....	8
5. Thông số kỹ thuật.....	9
6. Kích thước.....	10
7. Linh kiện.....	11
HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT.....	12
1. Vị trí lắp đặt.....	12
2. Lắp đặt không ống dẫn gió.....	13
3. Lắp đặt với 02 ống dẫn gió.....	14
4. Lắp đặt với 01 ống dẫn gió.....	15
5. Các trường hợp không được lắp đặt.....	16
6. Kết nối đường nước.....	16
6.1. Kết nối đường nước lạnh.....	17
6.2. Kết nối đường nước nóng.....	18
6.3. Loại bỏ sự ngưng tụ hơi nước.....	18
6.4. Các mẹo và lời khuyên.....	19
7. Kết nối ống thông gió.....	19
7.1. Độ dài ống thông gió.....	20
7.2. Điều chỉnh hướng cho ống cấp/xả.....	20
8. Kết nối điện.....	21
9. Vận hành.....	23

9.1.	Làm đầy nước trong bình chứa	23
9.2.	Khởi động thiết bị	23
9.3.	Cài đặt thiết bị	24
9.4.	Cài đặt các tham số	25
9.5.	Chức năng kiểm tra	26
9.6.	Lựa chọn chế độ hoạt động	27
CÁCH SỬ DỤNG		29
1.	Bảng điều khiển	29
2.	Ý nghĩa của các biểu tượng	29
3.	Các thanh công cụ chính	30
4.	Chế độ hoạt động	31
4.1	Chế độ bơm nhiệt	31
4.2	Chế độ điện trở dự phòng	32
BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG & CÁC VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP		33
1.	Cho người sử dụng	33
2.	Cho người thực hiện bảo trì/bảo dưỡng	33
3.	Mở thiết bị để bảo trì/bảo dưỡng	35
4.	Chuẩn đoán lỗi	36
4.1.	Ý nghĩa của các mã báo lỗi Error	36
4.2.	Các lỗi khác không hiển thị mã lỗi.	39
bảo HÀNH		Error! Bookmark not defined.
1.	Phạm vi bảo hành	41
2.	Điều kiện bảo hành	42
3.	Phí dịch vụ	43

TỔNG QUAN VỀ SẢN PHẨM

1. Khuyến cáo

1.1. Tính an toàn

Công việc lắp đặt và vận hành trên bơm nhiệt có thể gây nguy hiểm vì áp suất cao và có nguồn điện trực tiếp.

Bơm nhiệt phải được lắp đặt, đưa vào sử dụng và bảo trì chỉ được thực hiện bởi kỹ thuật viên có chuyên môn và trình độ.

1.2. Vận chuyển và lưu trữ



Duy nhất 1 mặt của thiết bị có thể được lật 90°. Thiết bị sẽ không được bảo hành nếu khi vận chuyển thiết bị mặt nghiêng màu đỏ bị nằm úp xuống, trong quá trình vận chuyển không được phép lật úp sản phẩm hay đặt nằm sản phẩm, phải đặt đứng sản phẩm như theo thông tin hiển thị trên bao bì sản phẩm. Chúng tôi khuyến cáo bạn nên xem hướng dẫn cẩn thận và liên hệ thêm nếu cần. Chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ lỗi nào trong sản phẩm do vận chuyển hoặc thao tác, lắp đặt sản phẩm theo cách không tuân thủ các khuyến cáo của trên sản phẩm.

2. Bên trong bao bì



1 sách hướng dẫn.



1 khớp nối 2 đầu được gắn vào đường ra nước nóng.



1 ống dẫn nước ngưng tụ.



1 bát cố định bình bơm nhiệt nước nóng.



1 van an toàn gắn ở đầu nước lạnh.



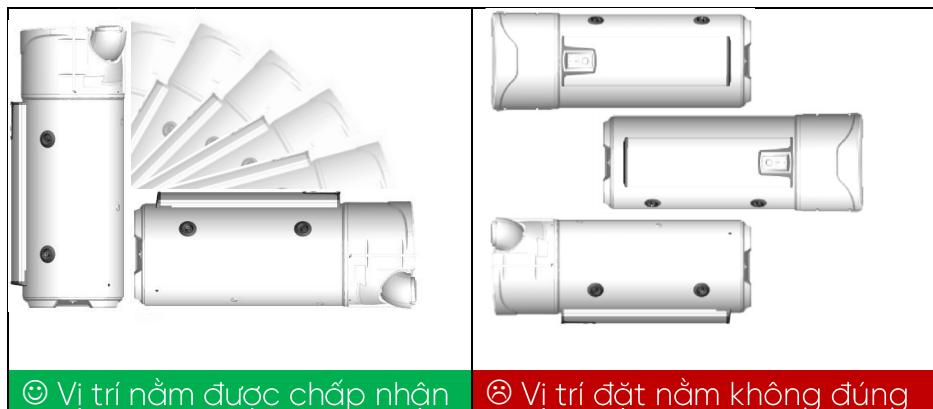
1 đầu bịt + 1 nắp.



4 chân đế.

3. Vận chuyển

Sản phẩm đã được tích hợp một số vị trí để tạo điều kiện vận chuyển đến vị trí lắp đặt. Để vận chuyển máy nước nóng đến vị trí lắp đặt, luôn sử dụng tay nắm thấp hơn và tay cầm trên cùng như hình minh họa.



☉ Vị trí nằm được chấp nhận

⊗ Vị trí đặt nằm không đúng



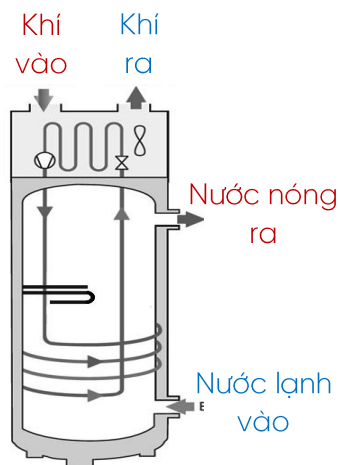
Theo hướng dẫn vận chuyển và di chuyển ghi trên bao bì

4. Nguyên lý hoạt động

Bơm nhiệt sử dụng không khí từ bên ngoài để làm nóng nước trong bình chứa nước.

Gas lạnh trong bơm nhiệt thiết lập một chu kỳ cho phép năng lượng từ nhiệt độ không khí môi trường xung quanh truyền vào dàn bay hơi bằng quạt. Chất làm mát bay hơi và chuyển lượng năng lượng vào không khí.

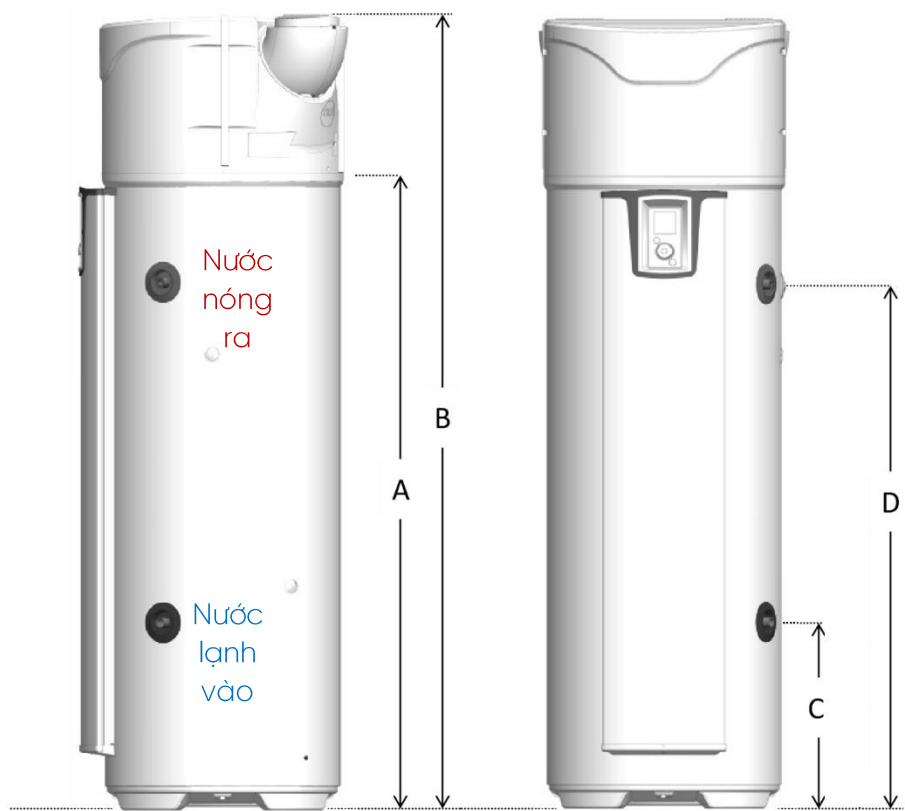
Máy nén, nén môi chất lạnh khiến nhiệt độ môi chất lạnh tăng lên. Nhiệt độ truyền qua bộ trao đổi nhiệt làm nóng nước trữ trong bình chứa. Gas lạnh đi qua van tiết lưu và giảm nhiệt độ và chuyển sang thể lỏng. Sau đó một lần nữa nó đã sẵn sàng để nhận nhiệt trong dàn bay hơi.



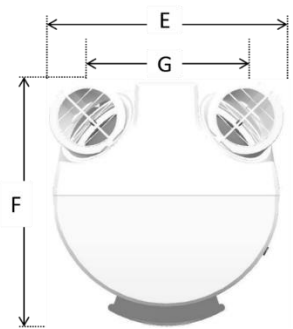
5. Thông số kỹ thuật

Model		200L	270L
Kích thước (Cao x Rộng x Sâu)	mm	1617 x 620 x 665	1957 x 620 x 665
Trọng lượng (Không nước)	kg	80	92
Thể tích	L	200	270
Đường nước Nóng/Lạnh	-	$\frac{3}{4}$ " M ($\varnothing 27$)	
Công nghệ bảo vệ chống ăn mòn	-	ACI hybrid	
Áp lực nước định mức	MPa (bar)	0.8 (8)	
Nguồn điện kết nối (V/Hz)	-	220-230V/1P/50Hz	
Công suất tiêu thụ tối đa	W	2500	
Công suất bơm nhiệt tối đa	W	700	
Công suất điện trở dự phòng	W	1800	
Nhiệt độ nước tạo ra bởi bơm nhiệt	°C	50 đến 60	
Nhiệt độ hoạt động của bơm nhiệt	°C	-5 đến +43	
Kích thước ống thông gió	mm	160	
Tốc độ gió cấp 1 (không ống)	m ³ /h	310	
Tốc độ gió cấp 2 (không ống)	m ³ /h	390	
Tổn thất lưu lượng gió cho phép	Pa	25	
Tiếng ồn	dB(A)	53	
Gas R513A	Kg	0.80	0.86
Khối lượng môi chất lạnh	Kg/L	0.0040	0.0032
Chứng nhận hiệu suất tại không khí 7°C (CDC LCIE 103-15/C) & Ống dẫn gió với áp suất 30 Pa**			
Hệ số hiệu suất (COP)	-	2,79	3,16
Hình thức khai thác	-	L	XL
Mức tiêu thụ trong trạng thái ổn định (Pes)	W	32	28
Thời gian gia nhiệt (t_h)	h.min	07:52	10:39
Nhiệt độ tham khảo (T_{ref})	°C	52,7	53,0
Tốc độ lưu lượng gió	m ³ /h	320	320

6. Kích thước

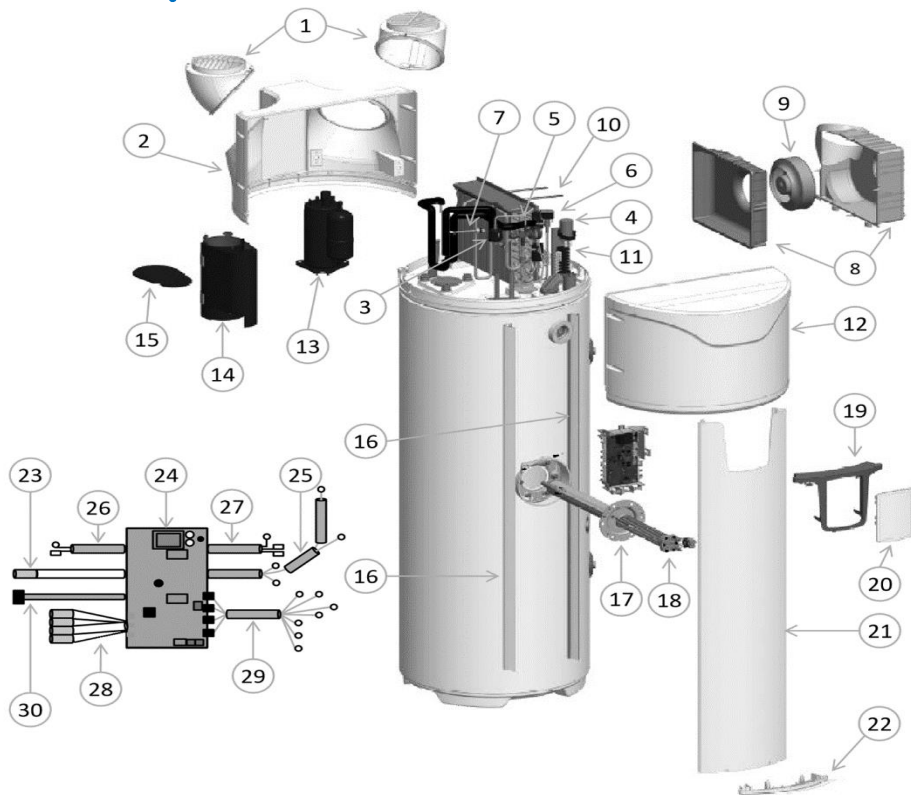


Ref	Mã sản phẩm	200L	270L
A		1166	1525
B		1617	1957
C		304	304
D		961	1300
E		620	620
F		665	665
G		418	418



Kích thước mm*

7. Linh kiện



1 Ống gió

2 Nắp sau

3 Phin lọc

4 Tụ điện 15 μ F

5 Van tiết lưu

6 Van khí nóng

7 Công tắc áp suất

8 Vỏ quạt

9 Quạt

10 Vỏ quạt

11 Domino

12 Nắp trước

13 Máy nén

14 Áo bảo vệ máy nén

15 Nắp áo bảo vệ

16 Thanh ray

17 Bộ trao đổi nhiệt

18 Điện trở

19 Hộp điều khiển

20 Bảng điều khiển

21 Nắp đậy trước

22 Nắp đậy dưới

23 Dây kết nối ACI

24 Mạch điều khiển

25 Dây kết nối máy nén

26 Dây cảm biến bồn chứa

27 Dây điện trở dự phòng

28 Dây cảm biến bơm nhiệt

29 Dây kết nối quạt

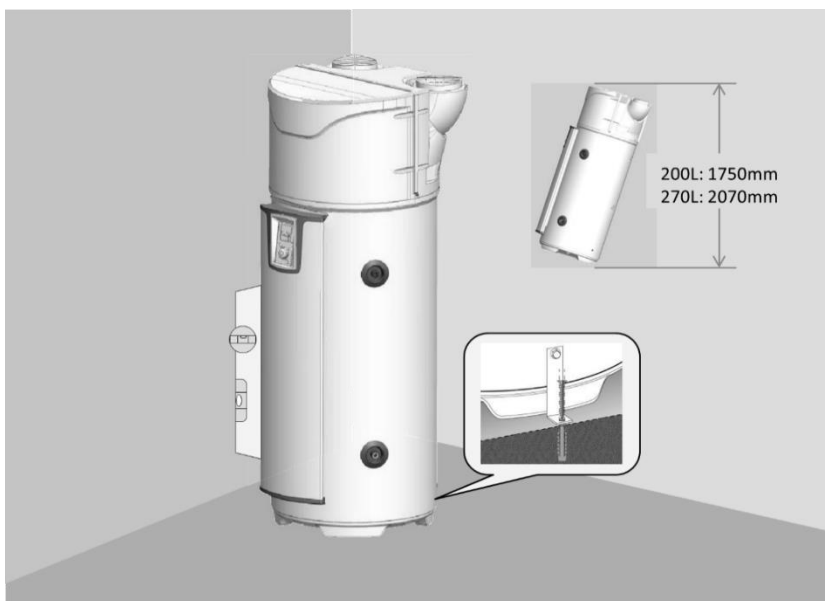
30 Dây nguồn

HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT

1. Vị trí lắp đặt



Vị trí lắp đặt thiết bị phải có hệ thống thoát nước bên dưới máy bơm nhiệt nếu đặt trên gác máy hoặc khu vực có vị trí cao, để thoát nước ngưng tụ khi máy gia nhiệt hoặc khi vệ sinh hoặc khi bảo dưỡng máy.



Thiết bị phải cố định (theo điều 20 của EN 60335-1) trên mặt đất với bát kim loại cố định được cung cấp khi lắp đặt máy.

Khi chọn thiết bị lắp đặt, phải đảm bảo vị trí lắp đặt có các cấp độ bảo vệ IP X1B, tuân thủ các tiêu chuẩn của NFC 15-100 (hoặc tương đương). Sàn nhà, vị trí lắp đặt phải chịu được trọng tải tối thiểu 400kg (bể mặt bên dưới máy nước nóng).



Không lắp đặt theo đúng hướng dẫn có thể gây ảnh hưởng đến hiệu năng của máy nước nóng.

2. Lắp đặt không ống dẫn gió

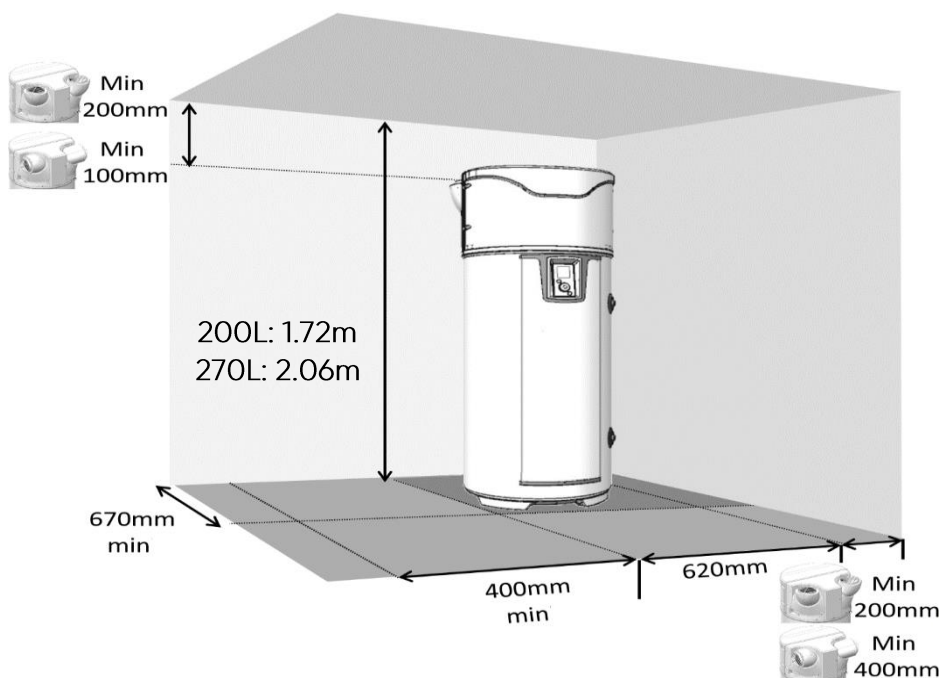
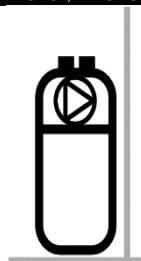
Phòng với nhiệt độ môi trường $>5^{\circ}\text{C}$, cách nhiệt và có tuần hoàn không khí.

Phòng đề xuất = Tầng hầm hoặc tầng hầm lửng, phòng chuyên biệt. Nhiệt độ trung bình trong năm luôn $>10^{\circ}\text{C}$

Ví dụ:

- Nhà để xe: thu hồi năng lượng thải ra từ động cơ xe hoặc thiết bị thải ra.
- Phòng giặt đồ: giảm độ ẩm trong phòng và thu hồi năng lượng bị mất từ máy giặt và máy sấy.

Interior/interior



Lắp đặt đúng khoảng cách yêu cầu, đảm bảo không khí tuần hoàn.



Hãy để khoảng trống 500mm trước thiết bị và 300mm trước vị trí các ống nước để có thể dễ dàng thực hiện quá trình bảo dưỡng định kỳ.

3. Lắp đặt với 02 ống dẫn gió

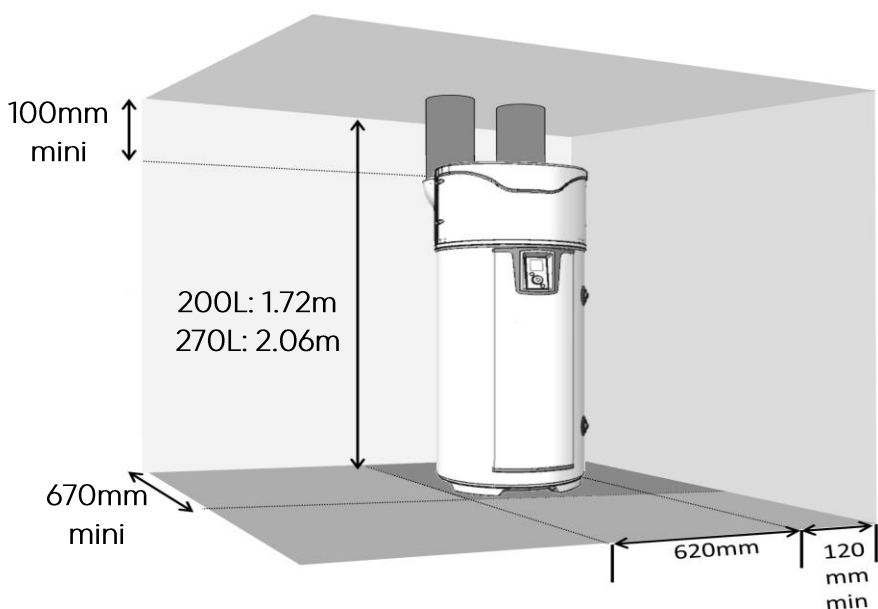
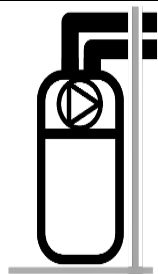
Phòng với nhiệt độ môi trường $>5^{\circ}\text{C}$, cách nhiệt và có tuần hoàn không khí.

Phòng đề xuất = Tầng hầm hoặc tầng hầm lửng, phòng chuyên biệt. Nhiệt độ trung bình năm luôn $> 10^{\circ}\text{C}$.

Tránh để gần phòng ngủ để tạo sự thoải mái về âm thanh
Ví dụ:

- Nhà để xe.
- Tầng hầm, nhà xe.
- Tủ chứa.

Exterior/ Exterior



Chú ý tới độ dài của ống dẫn gió. Sử dụng ống cách nhiệt cứng hoặc bán cứng. Lắp đặt các lưới tránh động vật, côn trùng trên đầu ống gió vào/ra để tránh các vật thể lạ xâm nhập. Chú ý, lưới tránh vật thể xâm nhập không được cản không khí vào/ra.



Hãy để khoảng trống 500mm trước thiết bị và 300mm trước vị trí các ống nước để có thể dễ dàng thực hiện quá trình bảo dưỡng định kỳ.

4. Lắp đặt với 01 ống dẫn gió

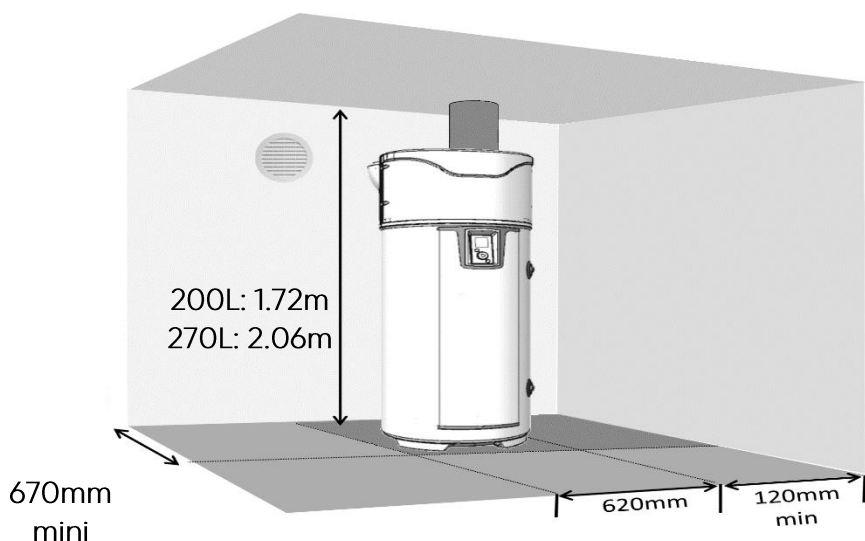
Phòng với nhiệt độ môi trường $>5^{\circ}\text{C}$, cách nhiệt và có tuần hoàn không khí.

Phòng đề xuất = Tầng hầm hoặc tầng hầm lửng, phòng chuyên biệt. Nhiệt độ trung bình trong năm luôn $> 10^{\circ}\text{C}$

Ví dụ:

- Nhà để xe: thu hồi năng lượng từ động cơ xe hoặc thiết bị thải ra.
- Phòng giặt đồ: giảm độ ẩm trong phòng và thu hồi năng lượng bị mất từ máy giặt và máy sấy.

Interior/Exterior



Việc giảm áp suất của vị trí bằng cách thoát khí bên ngoài tạo ra các cửa hút gió qua đồ vật bằng gỗ (cửa ra vào và cửa sổ). Lắp đặt cửa hút gió kích thước $\varnothing 160\text{mm}$ so với bên ngoài để tránh hút không khí từ không gian được làm nóng. Vào mùa đông, không khí đi vào qua cửa hút gió có thể làm mát căn phòng.



Hãy để khoảng trống 500mm trước thiết bị và 300mm trước vị trí các ống nước để có thể dễ dàng thực hiện quá trình bảo dưỡng định kỳ.

5. Các trường hợp không được lắp đặt

- Máy bơm nhiệt hút không khí từ phòng có nhiệt độ cao, phòng không có đối lưu tuần hoàn không khí.
- Kết nối hệ thống thông gió phục hồi nhiệt.
- Kết nối lắp đặt ống dẫn gió trên gác mái nhà.
- Kết nối lắp đặt ống gió ở dưới lòng đất.
- Máy nước nóng được lắp đặt trong phòng cùng với lò hơi kết nối với ống khói vào 1 ống dẫn gió ra bên ngoài.
- Kết nối trực tiếp với máy sấy.
- Hút không khí bên ngoài và xả không khí bên trong phòng.
- Vị trí lắp đặt có nhiều bụi bẩn.
- Vị trí lắp đặt có hợp chất, dung dịch dễ gây nổ.
- Lắp đặt trong phòng có nhiệt độ thấp hoặc cao nằm ngoài phạm vi của máy.
- Đặt vật nặng lên trên máy bơm nhiệt.

6. Kết nối đường nước



Không khuyến khích lắp đặt hệ thống hồi nước nóng: kiểu lắp đặt này sẽ gây ra sự mất ổn định của nước nóng trong bình chứa và dẫn đến việc tăng năng suất hoạt động của máy bơm nhiệt cũng như điện trở.

Đầu vào nước lạnh được đánh dấu bằng vòng đai màu xanh dương và đầu ra nước nóng bằng vòng đai màu đỏ. Kích thước ren kết nối với đường kính 20/27 (3/4" hoặc Ø27).

Đối với những khu vực có nguồn nước bị vôi hóa ($Th > 20^{\circ}f$), phải thực hiện việc xử lý nguồn nước bằng chất làm mềm, độ cứng của nước phải được duy trì ở mức 8 $^{\circ}f$. Chất làm mềm sẽ không ảnh hưởng đến việc bảo hành sản phẩm, miễn là chất làm mềm được đồng ý sử dụng tại Pháp, Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành trong ngành công nghiệp và được kiểm tra và bảo trì thường xuyên.

6.1. Kết nối đường nước lạnh

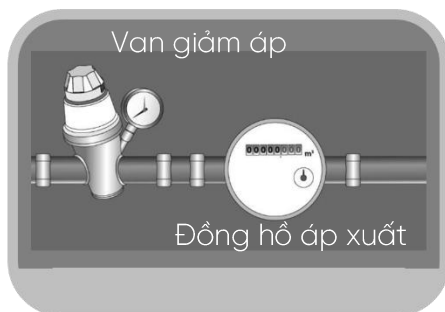
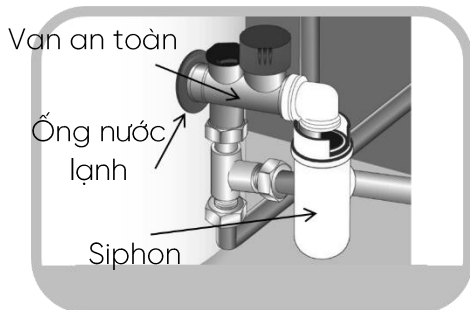
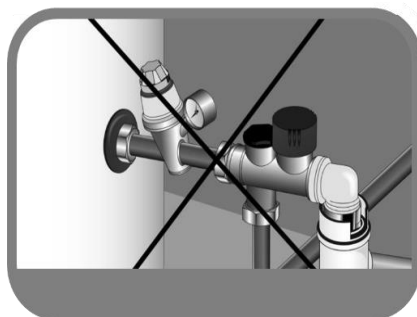
Trước khi tiến hành kết nối, hãy kiểm tra và vệ sinh đường ống. Việc lắp đặt phải được thực hiện và kết nối với van an toàn được hiệu chỉnh ở 7bar (0,7 MPa). Phù hợp với tiêu chuẩn NF EN 1487 và được kết nối trực tiếp với đầu nước lạnh của máy nước nóng.



Không được phép lắp đặt van khóa, van giảm áp, ống mềm, v.v. giữa van an toàn với vị trí ống nước lạnh của máy bơm nhiệt.

Vì nước có thể xả ra từ vị trí van an toàn, yêu cầu lắp ống xả nước tại vị trí này và kết nối với ống thoát nước thải của nhà. Van khóa phải được gắn trước van an toàn, đầu nguồn nước lạnh cấp vào bình nóng lạnh.

Ống xả van an toàn không được lắp đặt trong môi trường bị đóng băng, thực hiện việc xả tại vị trí van an toàn một hoặc hai lần trong tháng là bắt buộc. Việc lắp đặt phải có van an toàn, nếu áp suất cung cấp lớn hơn 0,5 Mpa (5bar) phải lắp van giảm áp trước van an toàn trước khi cấp nước vào bình chứa. Áp suất vận hành tối ưu từ 0,3 MPa (3bar) đến 0,4MPa (4bar).



6.2 Kết nối đường nước nóng



Không lắp điểm ra nước nóng trực tiếp với các ống đồng, phải được lắp đặt thông qua bộ phận gián tiếp được gọi là khớp nối điện ly, bộ phận này được cung cấp kèm theo máy nước nóng.

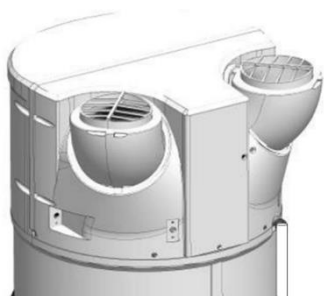


Trong quá trình lắp đặt sử dụng ống tổng hợp (PEX, nhiều lớp, v.v.) thì việc lắp đặt bộ chỉnh nhiệt độ ở đầu ra của máy là bắt buộc. Thiết bị phải được điều chỉnh theo hiệu suất của vật liệu đang được sử dụng.

6.3 Loại bỏ sự ngưng tụ hơi nước



Trong quá trình hoạt động của máy, không khí lạnh tuần hoàn tiếp xúc với dàn bay hơi và làm cho nước có trong không khí bị ngưng tụ. Nước ngưng tụ ở phía sau máy bơm nhiệt phải được dẫn ra khỏi máy bằng ống nhựa để thoát xuống sàn thoát nước cả tòa nhà.



Tùy thuộc vào độ ẩm không khí, lượng nước ngưng tụ có thể lên đến 0,5l/h. Nước ngưng tụ này không được chảy trực tiếp xuống cống, vì khí hơi có tính ăn mòn từ cống chảy ngược lên và làm hỏng các cánh tản nhiệt của dàn bay hơi và các bộ phận khác trên máy bơm nhiệt.



Hãy thiết kế ống xả nước ngưng tụ chống oxy hóa gây thiệt hại các thiết bị bên trong máy.

6.4. Các mẹo và lời khuyên

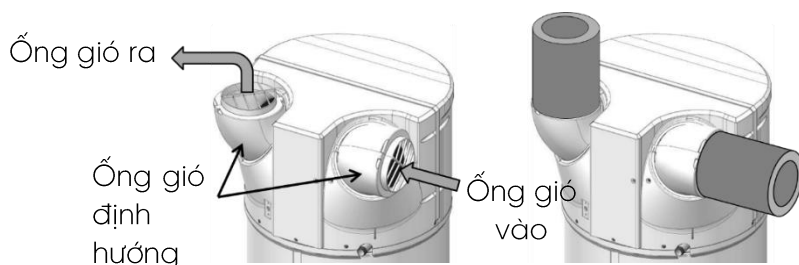
Nếu các điểm xả nước không được trang bị van điều chỉnh nhiệt, thì phải lắp van điều chỉnh nhiệt độ trên đầu ra của máy nước nóng để hạn chế nguy cơ bỏng:

- Trong các phòng vệ sinh, nhiệt độ tối đa của nước nóng nên được cố định ở 50°C tại các điểm xả.
- Trong các phòng khác, nhiệt độ của nước nóng được giới hạn ở 60°C tại các điểm xả ra.
- Nghị định số 2001-1220 từ ngày 20 tháng 12 năm 2001 và thông tư DGS/SD 7A.
- Tuân thủ theo DTU 60.1m



7. Kết nối ống thông gió

Khi không gian trong phòng lắp đặt máy nước nóng của bạn nhỏ hơn 20m³, máy nước nóng có thể kết nối với các ống dẫn khí có đường kính 160mm. Nếu các ống dẫn khí không được cách nhiệt, hơi nước có thể ngưng tụ trong khi đun nóng. Do đó, bắt buộc phải lựa chọn các ống dẫn khí cách nhiệt.

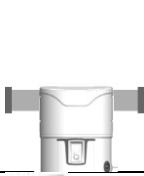


Khi kết nối với các ống dẫn (ống dẫn gió), cần phải đặt bộ định hướng cho phù hợp. Việc giảm áp suất của các ống dẫn và các phụ kiện để xả và hút không khí không được vượt quá 130 Pa. Chiều dài tối đa của ống dẫn phải được tuân thủ theo khuyến cáo.

Ống dẫn có chất lượng kém (ống bị dập nát, chiều dài hoặc số lượng gấp khúc quá nhiều, ...) có thể làm giảm hiệu suất và gây ra trục trặc. Do đó, chúng tôi không khuyến khích không sử dụng ống dẫn mềm.

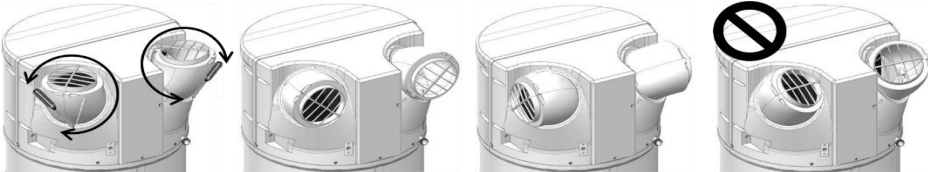


7.1. Độ dài ống thông gió

		Tiêu chuẩn			
					
Ống gió ra/vào					
Chiều dài		12 m	12 m	5 m	10 m
		28 m	26 m	16 m	24 m

Lưu ý: Các lỗ gió định hướng có thể làm giảm hoặc loại bỏ việc sử dụng gấp khúc trên ống dẫn.

7.2. Điều chỉnh hướng cho ống cấp/xả



Vặn các vít khóa của lỗ thông gió và xoay để chọn hướng cần thiết	Xoay 120° sẽ hướng về phía sau	Xoay thêm 120° hướng về các phía	Không hướng các lỗ thông hơi về cùng phía với nhau. Vị trí này không thể tuần hoàn không khí
---	--------------------------------	----------------------------------	--

8. Kết nối điện

Tham khảo sơ đồ đấu nối nguồn điện ở trang cuối cùng.



Chỉ bật máy nước nóng sau khi bơm đầy bồn chứa nước. Máy nước nóng phải được cấp nguồn điện liên tục.

Máy nước nóng chỉ có thể được kết nối và hoạt động trên nguồn điện xoay chiều 220–230V/1P/50Hz. Kết nối máy nước nóng bằng dây điện có kích thước tối thiểu là 2,5 mm². Việc lắp đặt sẽ bao gồm:

- Cầu dao 16A đa cực có độ hở tiếp điểm ít nhất là 3mm.
- Bảo vệ bằng bộ ngắt mạch vi sai 30mA.

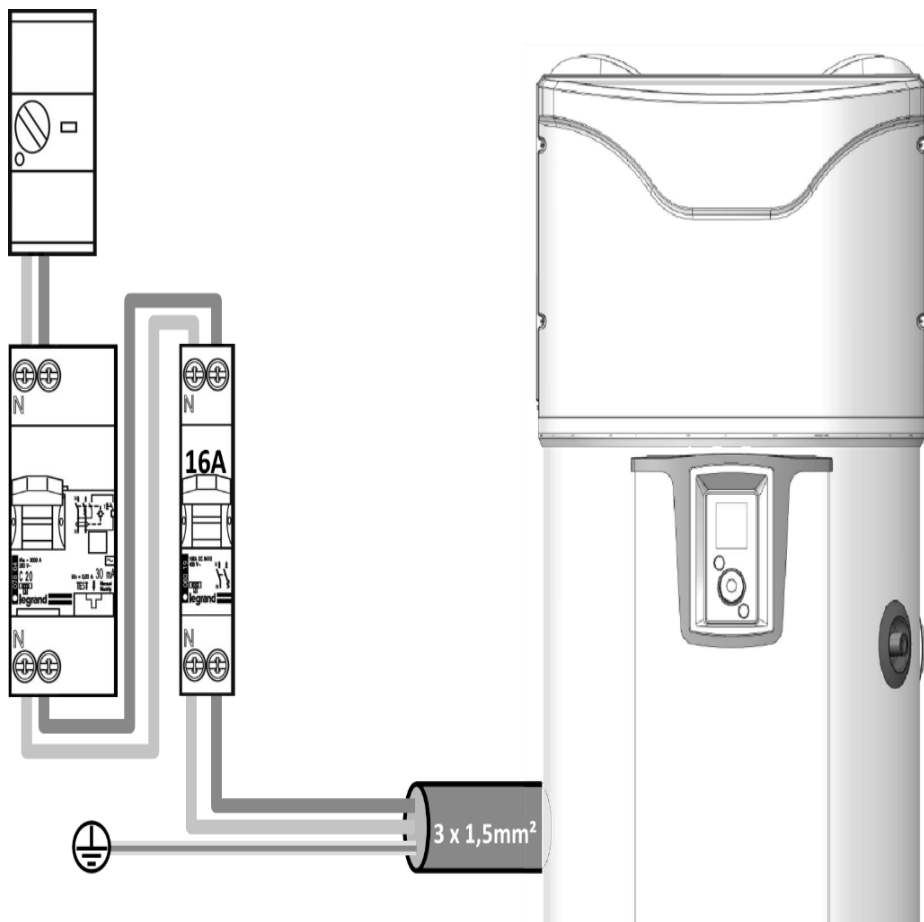
Nếu cáp nguồn bị hỏng, nó phải được thay thế bởi nhà sản xuất, dịch vụ hậu mãi của nhà cung cấp hoặc người có chuyên môn, để có thể hạn chế mọi nguy hiểm.



Không được phép cấp nguồn điện trực tiếp cho điện trở dự phòng.

Bộ điều chỉnh nhiệt an toàn được trang bị cho điện trở dự phòng không được sửa chữa bởi bất kỳ ai khác ngoài nhân viên kỹ thuật của chúng tôi trong mọi trường hợp. Không tuân thủ điều khoản này sẽ làm mất hiệu lực bảo hành của bạn. Thiết bị phải được lắp đặt phù hợp với các quy định quốc gia về lắp đặt thiết bị điện.

Sơ đồ lắp đặt điện



Bắt buộc nối đất cho thiết bị.

9. Vận hành

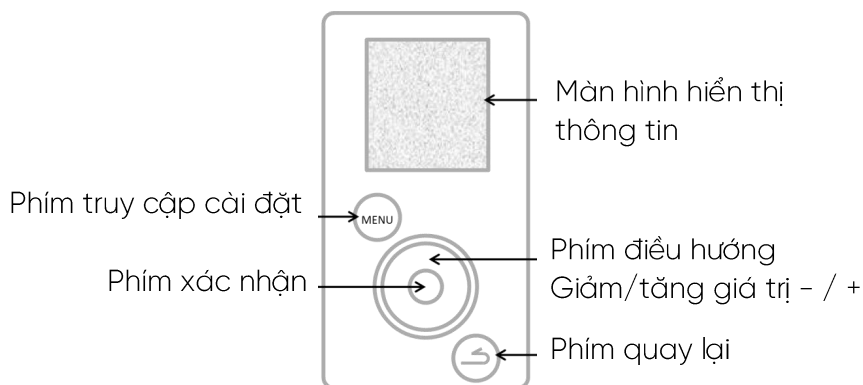
9.1. Làm đầy nước trong bình chứa

- Mở vòi nước nóng.
- Mở van khóa nước lạnh (đảm bảo rằng van an toàn ở vị trí xả nước đã đóng). Đóng các vòi nước nóng sau khi có nước. Máy nước nóng hiện đã đầy nước.
- Kiểm tra các vị trí đầu nối, kết nối ống nước.
- Kiểm tra chính xác hoạt động của các bộ phận thủy lực bằng cách mở van xả của van an toàn.
- Thực hiện nhiều lần để loại bỏ cặn bẩn trong van.

9.2. Khởi động thiết bị



Trong quá trình vận chuyển, lắp đặt máy nước nóng đã bị nghiêng, hãy đợi ít nhất một giờ trước khi khởi động.



1. Khởi động máy nước nóng.
2. Kiểm tra báo lỗi trên màn hình hiển thị.
3. Ở lần vận hành lần đầu tiên, trên màn hình sẽ xuất hiện hướng dẫn để cài đặt thông số (Ngôn ngữ, ngày và giờ, ống dẫn gió, cài đặt năng lượng mặt trời, phạm vi hoạt động, chống legionella).
4. Khi các thông số đã được thiết lập, hãy kiểm tra hoạt động của máy nước nóng. Tham khảo phần "Điều chỉnh cài đặt" hoặc "Cài đặt" để quay lại cài đặt trước đó.

9.3. Cài đặt thiết bị

Truy cập vào mục cài đặt khác:



+

Cài đặt

- Ngày và giờ

Đặt ngày và xác nhận. Tiến hành theo cách tương tự đối với tháng, năm, giờ và phút. Xác thực hay không thay đổi thời gian tự động.

- Phạm vi hoạt động

Cài đặt này xác định phạm vi hoạt động cho bơm nhiệt, điện trở dự phòng. Nếu có, dựa trên các yêu cầu về nước nóng:

Permanent 24h/24h	Khởi động bất cứ lúc nào cùng ngày, Chỉ khởi động trong khoảng thời gian được lập trình.
Programming	

- Kết nối mạng không dây

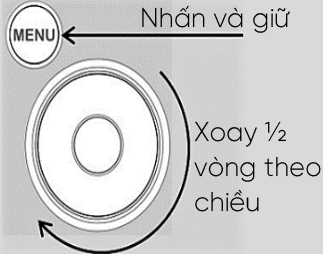
Máy nước nóng tương thích với phẩm mềm Cozytouch và các cầu nối sử dụng giao thức iO-Homecontrol. Các phụ kiện cần có là hộp truy cập Internet, cầu Cozytouch (tùy chọn) và ứng dụng Cozytouch có thể tải xuống miễn phí.

Ứng dụng Cozytouch cho phép bạn điều khiển máy nước nóng bằng điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Kết nối với ứng dụng bằng cách làm theo hướng dẫn của nó.

- Ngôn ngữ

Có thể được đặt thành tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hà Lan, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Đức, tiếng Ý và tiếng Ba Lan.

9.4. Cài đặt các tham số



Truy cập chế độ Cài Đặt chuyên Sâu

1. Giữ nút Menu
2. và xoay nửa vòng sang phải.

Để thoát khỏi chế độ Cài đặt Chuyên Sâu, hãy tiến hành theo cách tương ứng hoặc đợi 10 phút.

- Ống dẫn gió:

Thiết lập xác định loại kết nối ống dẫn gió:

Interior/Interior	Đầu hút và đẩy không kết nối với ống dẫn gió.
Exterior/Exterior	Đầu hút và đẩy kết nối với ống dẫn gió.
Interior/Exterior	Đầu đẩy gió kết nối với ống dẫn gió, đầu hút không kết nối ống dẫn gió.

- Quang điện/Lưới điện thông minh

Tham số này kích hoạt nối ghép máy nước nóng với hệ thống quang điện. Chế độ hoạt động cho phép khởi động cưỡng bức bơm nhiệt khi biến tần quang điện gửi tín hiệu đến máy nước nóng. Quy định tự động chuyển sang chế độ vận hành 30 phút trước đó khi mất tín hiệu quang điện.

Trong quá trình thu tín hiệu, nhiệt độ cài đặt sẽ tự động tăng lên 62°C (không thể thay đổi giá trị).

- Không khí

Cho phép kích hoạt chức năng thổi khí (2 tốc độ: 300 hoặc 390 m³/h). Khi máy nước nóng không làm nóng bể, quạt sẽ chuyển không khí ra bên ngoài (chỉ có thể kích hoạt nếu kết nối aerulic được đặt thành **Interior/Exterior**).

- Chức năng chống vi khuẩn trong nước

Cho phép kích hoạt chức năng khử trùng nước vài lần mỗi tháng. Nhiệt độ nước đạt 62°C bốn lần trong tháng tùy theo cài đặt.

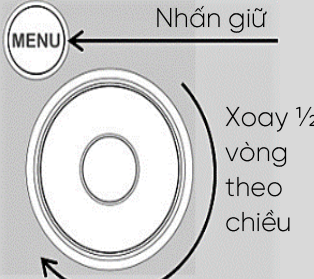
- Chức năng khăn cấp

Khi được kích hoạt, máy nước nóng chỉ hoạt động trên với thiết bị là điện trở dự phòng.

- Điện trở dự phòng

Kích hoạt điện trở dự phòng. Nếu tắt kích hoạt, sản phẩm sẽ không sử dụng điện trở dự phòng, có thể thiếu nước nóng nếu nhiệt độ môi trường không đáp ứng.

9.5. Chức năng kiểm tra



Truy cập chế độ Cài Đặt chuyên Sâu

1. Giữ nút Menu
2. và xoay nửa vòng sang phải.

Để thoát khỏi chế độ Cài đặt Chuyên Sâu, hãy tiến hành theo cách tương ứng hoặc đợi 10 phút.

Truy cập → Menu → Test → Actuators

Chế độ Test thiết bị được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động cưỡng bức.

Bơm nhiệt	Khởi động quạt sau đó đến máy nén
Quạt	Quạt hoạt động ở tốc độ chậm
	Quạt hoạt động ở tốc độ cao
Điện trở dự phòng	Khởi động điện trở dự phòng
Xả băng	Khởi động quạt sau đó đến máy nén và tiếng lách cách của cuộn dây
Nồi hơi	Tín hiệu được gửi đến lò hơi để thực hiện quá trình gia nhiệt
Cảm biến nhiệt độ	Hiện thị nhiệt độ: Không khí vào, dàn bay hơi trên, dàn bay hơi dưới, nước nóng

9.6. Lựa chọn chế độ hoạt động

Nhấn



để truy cập vào thanh công cụ

Mode

Chế độ **AUTO** :

Chế độ vận hành này tự động quản lý ưu tiên lựa chọn năng lượng cho phép tiết kiệm kinh tế gia đình trong khi đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng của khách hàng.

Máy nước nóng phân tích mức tiêu thụ của những ngày trước để điều chỉnh việc gia nhiệt nước theo yêu cầu. Phản ứng với các vấn đề ngoài ý muốn bằng cách khởi động các chu kỳ làm việc trong ngày để đảm bảo đủ nước nóng. Nhiệt độ cài đặt tự động thay đổi trong khoảng từ 50°C đến 62°C theo mức nhu cầu tiêu thụ. Máy nước nóng thực hiện việc gia nhiệt bằng bơm nhiệt. Điện trở dự phòng có thể tự động được gia nhiệt thêm để đáp ứng mức nhu cầu sử dụng mà khách hàng mong muốn.



Chế độ này không khả dụng khi cài đặt <<Sử dụng nổi hơi>> và <<Năng lượng mặt trời>>.

Chế độ **MANUAL** :

Chế độ này cho phép xác định lượng nước nóng mong muốn bằng cách chọn nhiệt độ cài đặt. Nhiệt độ cài đặt cũng được hiển thị dưới dạng tương đương với vòi hoa sen  khoảng 50L nước nóng.

Khi chế độ ECO không được kích hoạt, máy nước nóng sẽ hỗ trợ cho hoạt động của bơm nhiệt. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ không khí thấp hoặc mức tiêu thụ cao, có thể sử dụng điện trở (hoặc nổi hơi) vào chu kỳ gia nhiệt để đạt nhiệt độ cài đặt.

Khi chế độ ECO được kích hoạt, máy nước nóng chỉ hoạt động với bơm nhiệt trong phạm vi nhiệt độ không khí từ -5°C đến 43°C, điện

trở dự phòng sẽ không sử dụng. Chức năng này tối đa hóa việc tiết kiệm năng lượng nhưng có thể gây ra tình trạng thiếu nước nóng.

Bất kể thiết lập chế độ ECO, điện trở dự phòng sẽ được điều khiển hoạt động nếu nhiệt độ không khí nằm ngoài phạm vi làm việc, điện trở dự phòng sẽ đảm bảo đủ nhu cầu sử dụng nước nóng.



Chế độ Manual với thiết lập "năng lượng mặt trời". Chế độ này cho phép hoạt động của bơm nhiệt kết hợp với dự phòng năng lượng mặt trời. Tuy nhiên, hoạt động đồng thời 2 chế độ bơm nhiệt và chế độ năng lượng mặt trời dự phòng có thể gây ra hư hại sản phẩm. Máy nước nóng nên được sử dụng trong các giai đoạn khi không có năng lượng mặt trời (để thực hiện việc này sử dụng chế độ cài đặt giờ của máy nước nóng).

Chế độ **BOOST**:

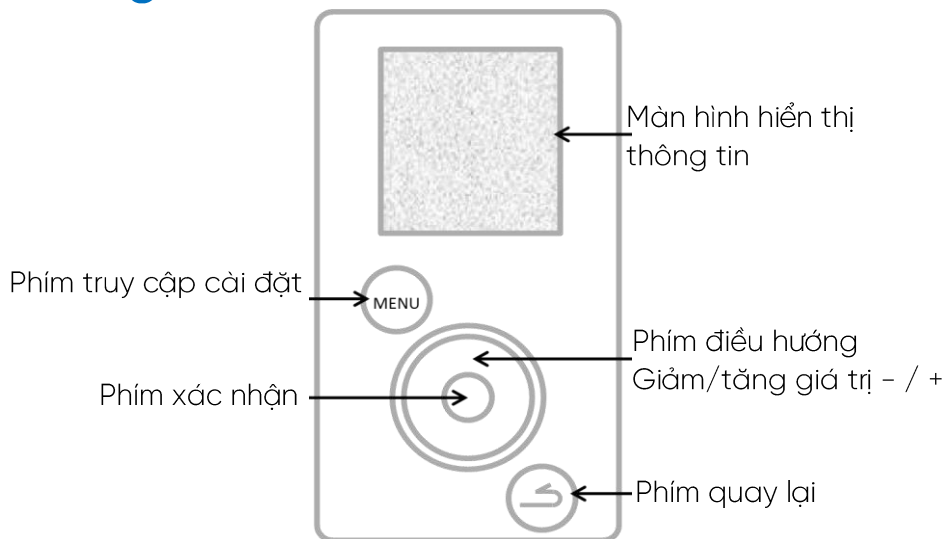
Chế độ này kích hoạt bơm nhiệt và tất cả các nguồn năng lượng có sẵn khác (nồi hơi, điện trở dự phòng) đồng thời để đạt đến điểm thiết lập tối đa là 62°C.

Chế độ **ABSENCE**:

Chế độ này duy trì nhiệt độ nước nóng trên 15°C bằng cách sử dụng bơm nhiệt. Nồi hơi và điện trở dự phòng có thể được sử dụng nếu bơm nhiệt không hoạt động.

CÁCH SỬ DỤNG

1. Bảng điều khiển



2. Ý nghĩa của các biểu tượng

BOOST	Gia nhiệt nhanh		Điện trở dự phòng
	Vắng mặt/Vắng nhà		Bơm nhiệt
	Nhiệt độ nước		Cảnh báo
	Chờ đợi		Tiếp nhận kết nối năng lượng mặt trời

3. Các thanh công cụ chính



BOOST

Tăng lượng nước nóng trong chu kỳ hoạt động:
Đặt số ngày BOOST sẽ hoạt động (từ 1 đến 7).
Khi kết thúc thời gian đã đặt, máy nước nóng sẽ tiếp tục chế độ hoạt động ban đầu.
Chế độ BOOST có thể dùng bất cứ thời điểm nào:

STOP BOOST



Chọn chế độ hoạt động:
Chọn AUTO hoặc MANUAL



Thời gian vắng mặt:
Cung cấp các chỉ dẫn cho máy nước nóng liên quan đến

- Sự vắng mặt vĩnh viễn bắt đầu từ ngày
- Sự vắng mặt theo lịch trình (đặt ngày bắt đầu và ngày kết thúc)

Một ngày trước khi bạn trở lại, một chu kỳ chống legionella được bắt đầu. Trong khoảng thời gian này, nhiệt độ nước được duy trì trên 15°C. Chức năng này có thể dùng bất kỳ thời điểm nào.

STOP ABSENCE



Hiển thị tiết kiệm năng lượng:
Cho phép hiển thị mức độ làm việc của bơm nhiệt và điện trở dự phòng trong 7 ngày, 12 tháng, kể từ khi máy hoạt động.

Hiện thị mức tiêu thụ điện:

Cho phép hiển thị mức tiêu thụ năng lượng tính bằng kWh, của các ngày, các tháng, các năm khi máy hoạt động.



Hiển thị các thông số thiết lập:

Cho phép hiển thị các cài đặt đã được thiết lập

Cài đặt ngày và giờ:

Cài đặt ngày và xác nhận. Đặt tháng, năm, giờ và phút.

Cài đặt thời gian hoạt động:

Cho phép xác định thời gian khi máy nước nóng có thể bắt đầu

Cài đặt ngôn ngữ:

Pháp, Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức, Ý và Ba Lan.

Điện trở dự phòng:

Cho phép kích hoạt sử dụng điện trở dự phòng.

4. Chế độ hoạt động

4.1 Chế độ bơm nhiệt

AUTO: Chế độ này sẽ tự động thay đổi nhiệt độ trong khoảng từ 50°C đến 62°C theo lịch sử mức độ tiêu thụ. Máy nước nóng sẽ ưu tiên chọn bơm nhiệt để gia nhiệt. Điện trở dự phòng có thể được sử dụng trong trường hợp không đáp ứng đủ nhiệt độ đã được thiết lập.

MANUEL – ECO không được kích hoạt: Nhiệt độ cài đặt được người dùng thiết lập trong khoảng từ 50°C đến 62°C. Máy nước nóng sẽ ưu tiên chọn bơm nhiệt để gia nhiệt. Điện trở dự phòng có thể được kích hoạt trong trường hợp không đáp ứng đủ nhiệt độ đã được thiết lập.

MANUEL – ECO được kích hoạt: Nhiệt độ cài đặt được người dùng thiết lập trong khoảng từ 50°C đến 55°C. Máy nước nóng chỉ dùng bơm nhiệt để tiết kiệm điện. Điện trở dự phòng chỉ kích hoạt nếu nhiệt độ không khí nằm ngoài phạm vi hoạt động.

4.2 Chế độ điện trở dự phòng

HƯỚNG DẪN: Nhiệt độ được thiết lập bởi người dùng trong khoảng 50°C đến 62°C. Máy nước nóng sẽ chọn cách gia nhiệt tốt nhất là bơm nhiệt. Điện trở dự phòng có thể sử dụng trong trường hợp không đáp ứng đủ nhiệt độ đã được thiết lập.

CHẾ ĐỘ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG:

Máy nước nóng sẽ sử dụng năng lượng có sẵn trong không khí và chuyển hóa dạng năng lượng này thông qua một bộ trao đổi nhiệt trong bể để gia nhiệt nước. Hiệu suất bơm nhiệt cao hơn khi các thông số trao đổi thuận lợi hơn, tức là nhiệt độ không khí cao hoặc nhiệt độ trong bồn chứa thấp. Chức năng SMART ENERGY có thể quyết định bắt đầu làm nóng bằng bơm nhiệt và kết thúc việc làm nóng.

Chức năng Năng Lượng thông minh có thể được đặt trên 4 cấp quản lý:

PRIORITY HP: Sao lưu hoạt động khi hết nhiệt trong trường hợp nhiệt độ không khí thấp ($<7^{\circ}\text{C}$).

OPTIMISE HP: Sao lưu hoạt động khi kết thúc quá trình làm nóng và $\pm$ sớm tùy thuộc vào không khí $^{\circ}\text{C}$.

OPTIMISE BOILER: Bơm nhiệt hoạt động khi bắt đầu nóng lên và dừng lại sớm $\pm$ tùy thuộc vào không khí $^{\circ}\text{C}$.

PRIORITY BOILER: Bơm nhiệt hoạt động khi bắt đầu nóng lên và cho nhiệt độ không khí $>10^{\circ}\text{C}$.

BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG & CÁC VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP

1. Cho người sử dụng

Nếu chế độ vắng mặt không thể được sử dụng hoặc tắt máy thì nên xả áp nước nóng. Tiến hành như sau:

1. Ngắt nguồn điện		3. Khóa van nước lạnh cấp vào	
2. Mở van nước nóng		4. Mở van xả trên van an toàn	

2. Cho người thực hiện bảo trì/bảo dưỡng

Để duy trì hiệu suất của máy nước nóng, Chúng tôi khuyên bạn nên bảo dưỡng thiết bị thường xuyên.



Thiết bị phải được tắt trước khi thực hiện quá trình kiểm tra/bảo dưỡng.



Bất kỳ việc điều chỉnh không có sự chấp thuận của nhà sản xuất sẽ dẫn đến việc mất hiệu lực bảo hành cho thiết bị. Bạn không nên chạm vào linh kiện bên trong trước khi đã kiểm tra theo như sách hướng dẫn.

Phần dành cho Khách Hàng:

	Thời gian	Cách thực hiện
Van an toàn	Định kỳ hai tháng một lần	Xả van an toàn Kiểm tra việc thoát nước từ van an toàn.
Điều kiện chung	Định kỳ mỗi tháng một lần	Kiểm tra tình trạng chung của thiết bị: không mã lỗi, không rò rỉ, v.v.

Phần dành cho Chuyên Viên Kỹ Thuật:

	Thời gian	Cách thực hiện
Ống thông gió	Định kỳ mỗi năm một lần	Kiểm tra máy nước nóng đã được kết nối với các ống dẫn. Kiểm tra và đảm bảo các ống dẫn được đặt đúng vị trí và không bị bóp méo.
Dòng ngưng tụ	Định kỳ mỗi năm một lần	Kiểm tra mức độ sạch trong đường ống thoát nước ngưng.
Vị trí kết nối điện	Định kỳ mỗi năm một lần	Kiểm tra dây điện tại các vị trí kết nối bên trong và bên ngoài và tất cả các kết nối đã đúng vị trí.
Điện trở dự phòng	Định kỳ mỗi năm một lần	Kiểm tra điện trở dự phòng có hoạt động bình hoặc kiểm tra bằng cách đo giá trị ohm.
Cặn bẩn	Định kỳ hai năm một lần	Nếu nước cấp của máy nước nóng đóng cặn, hãy làm sạch cặn bẩn,...
Bộ trao đổi nhiệt	Định kỳ hai năm một lần*	Kiểm tra sự trao đổi nhiệt của bơm nhiệt.
Các linh kiện	Định kỳ hai năm một lần*	Kiểm tra hoạt động của quạt, van gas nóng, v.v.
Dàn bay hơi	Định kỳ hai năm một lần*	Làm sạch thiết bị bay hơi bằng bàn chải nylon và không sử dụng các loại chất tẩy rửa có tính ăn mòn.
Môi chất lạnh	Định kỳ hai năm một lần*	Kiểm tra mức chất lỏng.

* Đối với môi trường nhiều bụi, tăng tần suất bảo dưỡng.

3. Mở thiết bị để bảo trì/bảo dưỡng

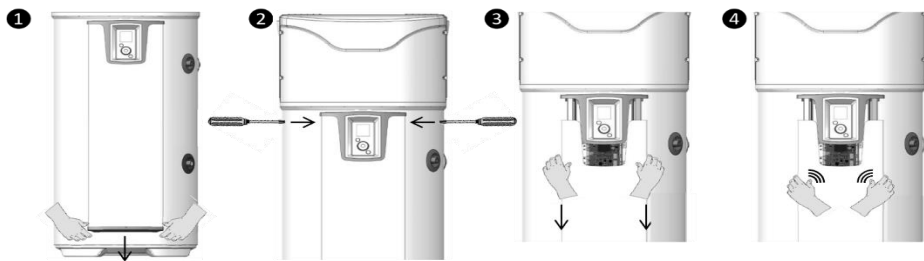
Để truy cập vào khu vực điều khiển của máy nước nóng:

1. Tháo 4 ốc vít khỏi nắp trước.
2. Mở nắp trước bằng cách nghiêng nó về phía trước.
3. Mở nắp phía sau của phích cắm nước ngưng.



Để truy cập khu vực điều khiển:

1. Tháo phích cắm điện của cột bằng cách tháo nó ra.
2. Tháo 2 vít giữ ở mỗi bên của cột.
3. Trượt cột xuống khoảng 10cm để bảng điều khiển không bị cản trở.
4. Nhấn vào tâm của cột để mở và tháo nó ra khỏi thanh dẫn hướng.



4. Chuẩn đoán lỗi

Trong trường hợp lỗi, hoặc khi không có nhiệt hoặc hơi nước từ điểm nạp, hãy tắt nguồn điện và thông báo cho người lắp đặt của bạn.



Các trường hợp khắc phục sự cố phải được thực hiện bởi một chuyên viên kỹ thuật.

4.1. Ý nghĩa của các mã báo lỗi Error

Chuông báo hiệu có thể được tắt hoặc đặt lại bằng cách nhấn phím OK.

Mã lỗi	Nguyên nhân	Kết quả	Cách khắc phục
Error 03	Cảm biến nhiệt độ nước bị lỗi hoặc nằm ngoài phạm vi.	Không thể đọc nhiệt độ nước: Không đun nóng.	Kiểm tra kết nối (dấu A1) của cảm biến nhiệt độ nước (thermowell). Kiểm tra điện trở của cảm biến (xem bảng bên dưới). Nếu hư, hãy thay cảm biến.
Error 07	Không có nước trong bể hoặc tiếp điểm ACI mở.	Không gia nhiệt.	Bơm đầy nước vào bể chứa. Kiểm tra kết nối dây ACI
Error 09	Nhiệt độ nước quá cao ($T > 80^{\circ}\text{C}$).	Kích hoạt an toàn nhiệt độ cơ học: Không gia nhiệt.	Kiểm tra xem nhiệt độ nước thực tế tại đầu ra của nước. Kiểm tra kết nối và vị trí của cảm biến nhiệt độ nước. Kiểm tra điện trở dự phòng không hoạt động liên tục. Thiết lập lại thiết bị an toàn cơ học.

Error 15	Mất kết nối/mất thời gian MMI.	Sưởi ấm bên ngoài phạm vi lập trình.	Thiết lập lại giá trị. Kiểm tra nguồn cấp điện và các đầu nối MMI.
Nước quá lạnh	Nhiệt độ nước thấp ($T < 5^{\circ}\text{C}$).	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở.	Tự động thiết lập lại khi $T > 10^{\circ}\text{C}$. Kiểm tra sự phù hợp của thiết lập (phòng không đóng băng).
Error 21	Cảm biến đầu vào không khí bị lỗi hoặc nằm ngoài phạm vi hoạt động.	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở.	Kiểm tra các kết nối (A4) và vị trí của cảm biến không khí vào. Kiểm tra điện trở của cảm biến. Nếu hư, hãy thay thế dây cảm biến.
Error 22.1	Cảm biến thiết bị bay hơi bên trên bị lỗi hoặc nằm ngoài phạm vi hoạt động.	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở	Kiểm tra các kết nối (A4) và vị trí chính xác của cảm biến trên ống. Kiểm tra hoạt động của quạt, đảm bảo nó quay tự do không dừng (đánh dấu M1) và nguồn điện trên khối đầu nối, kiểm tra điện trở của cảm biến.
Error 22.2	Cảm biến thiết bị bay hơi bên dưới bị lỗi hoặc nằm ngoài phạm vi hoạt động.	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở.	Kiểm tra các kết nối (A4) và vị trí chính xác của cảm biến trên ống. Kiểm tra hoạt động của quạt để đảm bảo rằng nó quay tự do không dừng (M1) và nguồn điện trên khối đầu nối. Kiểm tra điện trở của cảm biến.
Error 25	Tiếp điểm công tắc áp suất mở hoặc bộ bảo	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở.	Kiểm tra các kết nối của máy nén (R1), công tắc áp suất, tụ khởi động (15mF), van gas nóng (T2). Kiểm

	vệ máy nén bột.		tra điện trở của các cuộn dây máy nén.
Error 28	Xả băng bị lỗi.	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở.	Kiểm tra mức độ sạch của thiết bị bay hơi Kiểm tra mức chất lỏng R513A Kiểm tra hoạt động của quạt (M1) và nguồn điện trên khối thiết bị đầu cuối. Kiểm tra việc thoát nước ngưng tụ. Kiểm tra các kết nối van gas nóng (T2) và hoạt động của nó (menu Test).
W.30.1	HP gia nhiệt không hiệu quả.	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở.	Kiểm tra mức chất lỏng. Kiểm tra hoạt động của quạt (M1) và nguồn điện trên khối thiết bị đầu cuối.
W.30.2	HP gia nhiệt không hiệu quả.	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở.	Kiểm tra mức chất lỏng. Kiểm tra hoạt động của quạt (M1) và nguồn điện trên khối thiết bị đầu cuối.
W.30.3	Bộ điều chỉnh áp suất bị lỗi.	HP dùng gia nhiệt: Gia nhiệt bằng điện trở.	Kiểm tra không có băng trên các đường ống giữa bộ điều chỉnh và thiết bị bay hơi. Kiểm tra mức chất lỏng. Nếu hư, hãy thay thế bộ điều chỉnh.

Bảng tương ứng giá trị nhiệt độ/Ohm cho cảm biến không khí, thiết bị bay hơi và cảm biến nhiệt của sản phẩm (CTN 10K).

Nhiệt độ °C																				
-20	-15	-10	-5	0	5	10	15	20	25	30	35	40	45	50	55	60	65	70	75	80
97.9	73.6	55.8	42.7	32.9	25.5	20	15.8	12.5	10	8	6.5	5.3	4.4	3.6	3	2.5	2.1	1.8	1.5	1.3
Điện trở kΩ																				

4.2 Các lỗi khác không hiển thị mã lỗi.

Mã hiển thị	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Nước không đủ nóng.	Nguồn điện chính cấp cho máy nước nóng không liên tục. Cài đặt nhiệt độ ở mức thấp. Chế độ ECO được chọn và nhiệt độ không khí bên ngoài phạm vi hoạt động. Phần gia nhiệt hoặc hệ thống dây điện nó không đúng thứ tự một phần.	Kiểm tra xem nguồn điện cung cấp cho thiết bị có liên tục. Kiểm tra để đảm bảo không có nước lạnh trở lại mạch nước nóng. Cài đặt nhiệt độ cao hơn. Chọn chế độ Tự Động. Kiểm tra thời gian hoạt động. Kiểm tra điện trở tại các đầu nối. Kiểm tra bộ ổn định nhiệt.
Không còn nhiệt Không có nước nóng.	Không cấp nguồn cho máy nước nóng: cầu chì, dây điện,...	Kiểm tra sự hiện diện của điện áp nguồn. Kiểm tra các thiết lập.
Không đủ nước nóng ở mức tối đa. Thiết lập ở mức 62°C.	Máy nước nóng không đủ dung tích so với nhu cầu sử dụng Hoạt động trong chế độ ECO	Kiểm tra thời gian hoạt động. Chọn chế độ Tự Động.
Không có nhiều dòng chảy từ vòi nước nóng.	Vòi nước bị tắc nghẽn Cặn bẩn nhiều trong bể chứa	Làm sạch vòi nước. Tẩy cặn cho máy.
Dòng chảy của nguồn nước gặp vấn đề.	Van an toàn bị hư hoặc dơ bẩn Áp suất nước quá cao	Thay van an toàn mới Kiểm tra lại áp suất nước cấp vào bình
Điện trở dự phòng không hoạt động.	Bộ điều nhiệt cơ học ở chế độ an toàn	Đặt lại chế độ an toàn. Thay bộ điều nhiệt. Thay bộ điện trở.

	Bộ điều nhiệt điện bị lỗi Điện trở bị lỗi	
Nước ngưng tràn.	Vị trí thoát nước ngưng bị tắc nghẽn	Làm sạch vị trí thoát nước ngưng.
Mùi hôi.	Không có xi phong tại vị trí thoát nước ngưng hoặc vị trí xả tại van an toàn	Lắp đặt xi phong. Xử lý xi phong.
Lỗi bảng điều khiển hoặc bảng hiển thị.	Không có nguồn điện Lỗi hiển thị	Kiểm tra nguồn điện. Kiểm tra kết nối (A3). Thay thế màn hình.

Sau khi bảo dưỡng hoặc khắc phục sự cố, hãy kiểm tra xem máy nước nóng có hoạt động bình thường.

BẢO HÀNH

1. Phạm vi bảo hành

Bảo hành này không bao gồm các lỗi do:

- Điều kiện môi trường bất thường:
 - Tất cả các loại hư hỏng do rung lắc hoặc thiết bị rơi rớt trong quá trình lắp đặt sau khi rời khỏi nhà máy.
 - Lắp đặt thiết bị ở vị trí có thể bị đóng băng hoặc thời tiết xấu (môi trường ẩm ướt, khắc nghiệt hoặc thông gió kém).
 - Sử dụng nguồn nước không đạt tiêu chuẩn chất lượng được xác định trong tiêu chuẩn DTU 60-1 cho hệ thống ống nước vệ sinh, nước nóng 4 chất phụ gia (clorua, sunfat, canxi, điện trở suất và TAC).
 - Nước có $T_h < 8^\circ\text{F}$.
 - Áp suất nước trên 0,5 MPa (5bar).
 - Cung cấp điện quá áp, không đúng yêu cầu của thiết bị (mạng, sét, v.v.).
 - Thiệt hại do các vấn đề không thể phát hiện được do lựa chọn vị trí (các vị trí khó tiếp cận) mà có thể tránh được bằng cách sửa chữa thiết bị ngay lập tức.
- Việc lắp đặt không tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, cụ thể là:
 - Không lắp đặt van an toàn hoặc không thực hiện quá trình xả và an toàn định kỳ, bộ giảm áp, van một chiều hoặc van khóa, v.v. được lắp đặt phía sau van an toàn.
 - Thiếu hoặc lắp sai van an toàn theo tiêu chuẩn NF-EN-1487, sửa đổi tính năng hoạt động của van an toàn, v.v.
 - Không bọc bảo ôn (gang, thép hoặc vật liệu cách nhiệt) trên các đường ống nối nước có thể dẫn đến ăn mòn, thất thoát nhiệt.
 - Kết nối điện bị lỗi: Không tuân thủ NFC 15-100, tiếp đất không chính xác, không đủ tiết diện cáp, kết nối với cáp mềm không có đầu kim loại, không tuân thủ sơ đồ kết nối do nhà sản xuất chỉ định.
 - Bật thiết bị mà không làm đầy nước trong thiết bị.
 - Không lắp đặt thiết bị theo hướng dẫn trong sách hướng dẫn.
 - Sự ăn mòn bên ngoài do không có bảo vệ đường ống.
 - Lắp đặt hệ thống hỏng.

- Cài đặt không chính xác trong trường hợp có lắp đặt ống gió.
- Lắp đặt ống gió không đúng theo hướng dẫn.
- Bảo dưỡng bị lỗi:
 - Sự đóng cặn bất thường của các bộ phận làm nóng hoặc các thiết bị bảo vệ an toàn.
 - Không bảo dưỡng thiết bị bảo vệ an toàn dẫn đến quá áp.
 - Không vệ sinh thiết bị bay hơi hoặc nghẹt nước ngưng.
 - Thay đổi thiết bị ban đầu mà không được phép của nhà sản xuất hoặc sử dụng các phụ tùng thay thế không được khuyến nghị bởi hãng.



Khi thiết bị gặp phải sự cố, tạm thời cô lập thiết bị và gọi đơn vị cung cấp đến kiểm tra và sửa chữa.

2. Điều kiện bảo hành

Máy nước nóng phải được lắp đặt bởi người có chuyên môn, kiến thức kỹ thuật, các tiêu chuẩn bắt buộc và hướng dẫn từ các dịch vụ kỹ thuật của chúng tôi.

Thiết bị phải được sử dụng bình thường và được bảo dưỡng thường xuyên bởi chuyên viên kỹ thuật.

Theo các điều kiện này, bảo hành của chúng tôi được thực hiện bằng cách trao đổi hoặc cung cấp miễn phí cho Nhà Phân Phối hoặc Đại Lý hoặc thợ lắp đặt của chúng tôi, các bộ phận mà kỹ thuật viên của chúng tôi cho là bị lỗi hoặc nếu cần thiết, không bao gồm chi phí nhân công hoặc vận chuyển và bất kỳ bảo hành mở rộng nào.

Bảo hành của chúng tôi có hiệu lực kể từ ngày lắp đặt (bằng chứng từ, hóa đơn mua hàng, biên bản lắp đặt). Trong trường hợp không có bằng chứng, ngày sử dụng sẽ là ngày sản xuất được ghi trên nhãn của máy nước nóng cộng với sáu tháng.

Bảo hành các linh kiện thay thế hoặc máy nước nóng (đang bảo hành) chấm dứt cùng lúc với việc bảo hành bộ phận được thay thế hoặc máy nước nóng.

LƯU Ý: Không thể quy cho nhà sản xuất chi phí hoặc thiệt hại do lắp đặt sai (ví dụ, đóng băng, van an toàn không được kết nối với đầu ra nước thải, không có bể chứa) hoặc khó tiếp cận.

Việc cung cấp các phụ tùng thay thế cần thiết cho việc sử dụng các sản phẩm của chúng tôi được cung cấp trong thời gian 10 năm từ ngày sản xuất các sản phẩm này.



Sự cố của một bộ phận nhỏ không thể biện minh cho việc thay thế cả thiết bị. Do đó bạn phải thay thế bộ phận bị lỗi.

Bảo hành:

Lòng bình, máy nén: bảo hành 03 năm.

Linh kiện: bảo hành 02 năm.

3. Dịch vụ

XIN QUÝ KHÁCH VUI LÒNG LIÊN HỆ BẢO HÀNH ĐỂ ĐƯỢC KIỂM TRA, SỬA CHỮA KHI CÓ HƯ HỎNG

Đối với các điều kiện cụ thể bên ngoài Liên minh châu Âu, vui lòng tham khảo thẻ bảo hành của thị trường hiện tại.

Tại **VIỆT NAM** sản phẩm được phân phối bởi:

Công ty TNHH GROUPE ATLANTIC VIETNAM

HOTLINE: **09.17.15.16.16**

WEBSITE: www.groupe-atlantic.vn

www.atlantic-comfort.vn

xin vui lòng liên hệ để được hướng dẫn



FR - Notice d'utilisation
et d'installation

EN - Documentation for
installation and use

NL - Installatie- en
gebruiksvoorschriften

DE - Installations-und
Bedienungsanleitung

IT - Manuale di utilizzo
e installazione

PL - Instrukcja montażu i obsługi

FR - Guide à conserver
par l'utilisateur

EN - The user must conserve
this guide

NL - Richtlijnen te bewaren door
de gebruiker

DE - Nützliche Hinweise-Vom
Benutzer Aufzubewahren

IT - Guida per l'utente di
conservare

PL - Instrukcja, którą użytkownik
powinien zachować